

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2022
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Nhất

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1968; trú tại: Thôn B (T cũ), xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt);

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1975; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 06/10/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày: Tháng 5/2000, ông và bà V được gia đình tổ chức lễ cưới, về sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn và sống cùng nhau từ đó cho đến nay tại thôn T, xã Đ, huyện L. Quá trình vợ chồng sống chung do không hợp nhau nên đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau và vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông xin ly hôn với bà V.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đức A, sinh ngày 06/01/2001 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 06/5/2003, hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên ông không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Trần Thị Thanh V trình bày: Tháng 5/2000 bà và ông P được gia đình tổ chức cưới và về sống chung với nhau nhưng hai vợ chồng không đăng ký kết hôn. Hai vợ chồng sống chung với nhau từ đó cho đến nay tại thôn T, xã Đ, huyện L. Quá trình chung sống đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác rồi về hành hạ tinh thần bà. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, nay ông P xin ly hôn bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông P.

Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Đức A, sinh ngày 06/01/2001 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 06/5/2003, hiện cả hai cháu đã trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch thụ lý vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thông báo thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi khai mạc phiên toà đến khi nghị án, đảm bảo vô tư, khách quan, đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị không công nhận ông P và bà V là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử, xét thấy:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là ông Trần Văn P đối với bị đơn là bà Trần Thị Thanh V. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Ngày 06/10/2021, ông Trần Văn P có đơn xin ly hôn với bà Trần Thị Thanh V. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận tháng 5/2000 ông P và bà V được gia đình tổ chức lễ cưới và sống với nhau từ đó cho đến nay. Tuy nhiên cả hai không ra Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện, năm 2000 ông P và bà V được gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không ra Ủy ban nhân dân xã để đăng ký kết hôn. Theo điểm b, Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có quy định: “ *b) Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng;*”

Tại điểm 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: “*4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình.*”

Như vậy, từ năm 2000 cho đến nay, ông P và bà V không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay ông P xin ly hôn bà V thì theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận ông P và bà V là vợ chồng.

[4]. Về con chung: Ông P và bà V có 02 con chung là cháu Trần Đức A, sinh ngày 06/01/2001 và cháu Trần Đức M, sinh ngày 06/5/2003, hiện cả hai cháu đã trưởng thành và các bên đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các bên đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Trần Văn P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn P và bà Trần Thị Thanh V.

Về án phí: Ông Trần Văn P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006108 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Ông P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- UBND xã Đ, huyện L
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa